

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	2711A
Các hình thức nhận dạng khác	
Mã sản phẩm	Part#: 130255/41990716
Công dụng đề nghị	Mẫu thử.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	
Nhà cung cấp	Vietnam Inspection Solutions Co., Ltd.
Địa chỉ	60 Vong Thi St, Tay Ho Dist, 844836 Hanoi, Viet Nam
Điện Thoại	+84 438-362-117
FAX	+84 437-537-558
Số điện thoại khẩn cấp	CHEMTREC HOA KỲ: 1-800-424-9300, Quốc tế: +1 703-527-3887

2. Nhận diện các hiểm họa

Nguy cơ vật lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Tính gây ung thư	Loại 1B
	Độc tích sinh sản	Loại 1A
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Loại 2 (Máu, Thận, Gan, Hệ thần kinh)
Các nguy cơ môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 3
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 3

Các thành phần của nhãn



Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Công bố hiểm họa	Có thể gây ung thư. Có thể gây tổn thương cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi. Gây tổn thương cho các cơ quan (Máu, Thận, Gan, Hệ thần kinh) nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần. Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
Thông điệp đề phòng	
Ngăn ngừa	Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn. Không hít bụi. Tránh phát tán ra môi trường. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.
Cách đối phó	NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc.
Bảo Quản	Bảo quản khóa chặt.
Thải loại	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	Nồng độ phần trăm (%)
Các hợp chất của chì		-	< 1

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Hãy gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc không hết.
Tiếp xúc với da	Rửa sạch bằng xà bông và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng
Tiếp xúc với mắt	Không dụi mắt. Rửa bằng nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng
Ăn phải	Súc miệng thật kỹ. Tìm gặp y bác sĩ để điều trị nếu các triệu chứng xảy ra.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp, da và mắt. Phơi nhiễm kéo dài có thể gây các ảnh hưởng mãn tính.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Có các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị triệu chứng. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể chậm.
Thông tin tổng quát	NẾU bị tiếp xúc hoặc lo ngại: Tìm gặp bác sĩ để được hướng dẫn/chăm sóc. Đảm bảo rằng các nhân viên y tế nhận thức được (các) vật liệu liên quan, và thực hiện thận trọng để bảo vệ chính mình. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sử dụng chất dập lửa thích hợp với loại đám cháy.
Chất chữa cháy không phù hợp	Chưa được biết.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Trong khi cháy, các khí nguy hiểm cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và trang phục bảo hộ đầy đủ khi chữa cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét các hiểm họa của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Không có hiểm họa cháy hoặc nổ bất thường nào đáng chú ý.

6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Để xa những người không cần thiết. Đứng ở đầu gió. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không hít bụi. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của bản thông tin an toàn vật liệu này.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Tránh tạo ra bụi khi dọn dẹp. Thu gom bụi bằng máy hút bụi có bộ lọc HEPA. Về thải bỏ chất thải, xin xem mục 13 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu này.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Tránh phát tán ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp biết về mọi sự cố phóng thích ra môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Xin được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp đề phòng cho an toàn. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Giảm thiểu sinh và tích tụ bụi. Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành. Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được làm việc với sản phẩm này. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Rửa kỹ sau khi thao tác. Tránh phát tán ra môi trường. Giám sát thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Bảo quản khóa chặt. Bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu thật kín.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
Các hợp chất của chì (CAS -)	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc	0.05 mg/m ³

Các giá trị giới hạn sinh học

Các Chỉ Số Tiếp Xúc Sinh Học của ACGIH

Thành phần	Giá trị	Yếu tố quyết định	Mẫu	Thời gian lấy mẫu
Các hợp chất của chì (CAS -)	300 µg/l	Chì	Máu	*

* - Để biết chi tiết về việc lấy mẫu, xin xem tài liệu gốc.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Nên sử dụng phương pháp thông khí toàn bộ (thường là 10 lần thay không khí mỗi giờ). Tốc độ thông khí phải phù hợp với các điều kiện. Nếu áp dụng, sử dụng tủ xử lý kín, thông hút khí tại chỗ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì mức nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc đề nghị. Nếu chưa thiết lập được các giới hạn tiếp xúc, hãy duy trì mức nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Nếu các biện pháp thiết kế không đủ để duy trì tập trung các hạt bụi dưới OEL, phải mang thiết bị bảo vệ đường hô hấp thích hợp.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ). Nên dùng vòi nước rửa mắt.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Mang bao tay chống hóa chất thích hợp. Nên tham khảo ý kiến nhà cung cấp găng tay để chọn găng thích hợp.

Khác

Mặc trang phục bảo hộ thích hợp.

Bảo vệ hệ hô hấp

Mang ống thở có bộ lọc bụi. Sử dụng mặt nạ đã được NIOSH/MSHA phê chuẩn sử dụng nếu có nguy cơ bị tiếp xúc với các nồng độ bụi/khói vượt quá các giới hạn tiếp xúc.

Các hiểm họa nhiệt

Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt, khi cần thiết.

Các lưu ý vệ sinh chung

Luôn giám sát việc thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, như rửa sạch sau khi làm việc với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo và các thiết bị bảo hộ cho sạch các chất gây ô nhiễm. Tuân thủ mọi yêu cầu về giám sát y tế.

9. Các tính chất vật lý và hóa học

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý	Chất Rắn.
Dạng	Bột.
Màu	Xám.
Mùi	Không có.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	Không áp dụng.
Điểm chảy/điểm đông	Không có.
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có.
Điểm chớp cháy	Không có.
Tỉ lệ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không dễ cháy.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%)	Không có.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có.

Áp suất hơi	Không có.
Mật độ hơi	Không có.
Tỷ trọng tương đối	Không có.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không tan trong nước.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có.
Nhiệt độ phân hủy	Không có.
Độ nhớt	Không có.
Các thông tin khác	
Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Không oxy hóa.

10. Tính ổn định và tính phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Tránh tạo thành bụi.
Các vật liệu tương kỵ	Các chất oxy hóa mạnh. Halogen. Các peroxyt. Các axit.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Chì oxyt.

11. Thông tin độc học

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần do hít phải. Bụi có thể kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với da	Bụi hoặc bột có thể gây kích ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Bụi có thể gây kích ứng mắt.
Ăn phải	Được xem là có hiểm họa ăn phải thấp.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp, da và mắt.
Thông tin về các tác dụng độc	
Tính độc cấp	Có thể gây khó chịu khi nuốt phải.
Kích ứng/ăn mòn da	Tiếp xúc lâu dài với da có thể gây kích ứng nhất thời.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tấy mắt	Tiếp xúc trực tiếp với mắt có thể gây kích ứng nhất thời.
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây mẫn cảm da	Sản phẩm này không được xem là gây mẫn cảm cho da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có trên 0.1% tác nhân gây đột biến hoặc tác nhân gây ngộ độc di truyền.
Tính gây ung thư	Có thể gây ung thư.

Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

Các hợp chất của chì (CAS -)	A3 Chất đã được xác nhận là gây ung thư ở động vật nhưng không rõ có gây ung thư ở người hay không.
------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------

Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Các hợp chất của chì (CAS -)	2A Hầu như chắc chắn gây ung thư cho người.
------------------------------	---------------------------------------------

Hoa Kỳ-Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP) Báo Cáo về Các Chất Gây Ung Thư: Chất tiên liệu là gây ung thư

Các hợp chất của chì (CAS -)	Dự đoán hợp lý là Chất gây ung thư cho người.
------------------------------	-----------------------------------------------

Độc tích sinh sản	Có thể gây tổn thương cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Tính độc hại cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc một lần	Không được phân loại.
Tính độc hại cho bộ phận đích cụ thể - tiếp xúc lặp lại	Gây tổn thương cho các cơ quan (Máu, Thận, Gan, Hệ thần kinh) nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần.
Hiểm họa hít phải	Không phải là một hiểm họa cho đường hô hấp.
Ảnh hưởng mãn tính	Có thể gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc nhiều lần. Việc hít phải lâu ngày có thể có hại. Phơi nhiễm kéo dài có thể gây các ảnh hưởng mãn tính.

12. Thông tin sinh thái học

Độc tính sinh thái	Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.
Độ bền và khả năng phân hủy	Không có dữ liệu.
Khả năng tích tụ sinh học	Không có dữ liệu.
Lưu động trong đất	Không có dữ liệu.
Các tác dụng có hại khác	Không có các tác dụng bất lợi cho môi trường nào khác (ví dụ, gây suy yếu tầng ozon, khả năng tạo ozon bằng phương pháp quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng làm tăng nhiệt độ trái đất) được xem là sẽ gặp phải từ thành phần này.

13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các dụng cụ đựng kín tại các bãi rác thải được phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng. Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các quy định tiêu hủy của địa phương	Vứt bỏ tuân theo tất cả các quy định hiện hành.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các dụng cụ đựng đã cặn vẫn có thể còn lại cặn sản phẩm, thực hiện dán nhãn cảnh báo ngay cả sau khi dụng cụ đựng đã cặn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. Thông tin vận chuyển

IATA	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
IMDG	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Không áp dụng.

15. Thông tin pháp luật

Các quy định quốc gia	Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT Không được quy định.
Các quy định quốc tế	
Nghị định thư Montreal	Không áp dụng.
Hiệp Ước Stockholm	Không áp dụng.
Hiệp Ước Rotterdam	Không áp dụng.
Nghị định thư Kyoto	Không áp dụng.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôt-xtrây-li-a	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học của Úc (AICS)	Không
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Không
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Không
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Không
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Độ nhớt động học	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Không
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Không
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Không

*"Có" cho biết sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu của danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

"No" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	15-Tháng Tư-2016
Ngày sửa đổi	-
Phiên bản số	01
Khước Từ Trách Nhiệm	<?nhà sản xuất> không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. Thông tin trong bảng này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có.